

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **324/2019/HS-PT**

Ngày: 29-10-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:

Ông Nguyễn Văn Tào

Các Thẩm phán:

Ông Trần Minh Tuấn

Ông Nguyễn Cường

Thư ký phiên tòa: Ông **Phạm Minh Hoàng**- Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa:
Ông **Đỗ Xuân Ân** - Kiểm sát viên.

Vào ngày 29 tháng 10 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 315/TLPT-HS ngày 11 tháng 9 năm 2019 đối với bị cáo: Đặng Thành N và đồng phạm về tội “*Tổ chức đánh bạc*”, “*Đánh bạc*”. Do có kháng cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 37/2019/HS-ST ngày 22/7/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1321/2019/QĐXXPT-HS ngày 01 tháng 10 năm 2019.

Bị cáo kháng cáo:

1. Bị cáo: Đặng Thành N, sinh năm 1988, tại tỉnh Hà Tĩnh; nơi cư trú: tổ dân phố 9, thị trấn M, huyện M, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Nguyên là Công an nhân dân; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Đặng Văn Đ, con bà Phan Thị D; bị cáo có vợ là Nguyễn Thị H và có 01 con sinh năm 2014; tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 29/11/2018 đến ngày 26/02/2019 được tại ngoại. Có mặt

2. Bị cáo: Đặng Hữu N1, sinh năm 1992, tại tỉnh Đắk Lắk; nơi cư trú: Thôn 2, xã C, huyện M, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 10/12;

dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Đặng Hữu X (đã chết), con bà Đỗ Thị T; bị cáo có vợ là Nguyễn Thị D và có 02 con, lớn nhất sinh năm 2013, nhỏ nhất sinh năm 2015; tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 21/11/2018 đến ngày 28/11/2018 được tại ngoại. Có mặt.

3. Bị cáo: Trương Văn T; sinh năm 1990 tại tỉnh Đắk Lắk; nơi cư trú: thôn 3, xã E, huyện M, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ học vấn: 11/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Trương Văn T, con bà Lê Thị H; bị cáo có vợ là Nguyễn Thị M, chưa có con; tiền sự: Không;

Tiền án: Ngày 26/6/2018, bị Toà án nhân dân huyện M, tỉnh Đắk Lắk xử phạt 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Đánh bạc” theo Bản án số 13/2018/HS-ST. Bị cáo chưa chấp hành xong hình phạt.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 21/11/2018 đến ngày 19/4/2019 được tại ngoại. Có mặt.

4. Bị cáo: Trương Minh H, sinh năm 1986 tại tỉnh Đắk Lắk; nơi cư trú: tổ dân phố 3A, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk; Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Trương Văn T, con bà Nguyễn Thị Kim L. Bị cáo có vợ là H, có 02 con, lớn nhất sinh năm 2009, nhỏ nhất sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 17/02/2019 đến ngày 12/3/2019 được tại ngoại. Có mặt.

5. Bị cáo: Nguyễn Văn C, sinh năm 1991 tại tỉnh Nam Định; nơi cư trú: thôn 4, xã L, huyện M, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Đ (đã chết) và bà Vũ Thị M, sinh năm 1971; bị cáo chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo được tại ngoại. Có mặt

6. Bị cáo: Nguyễn Thị Thanh B, sinh năm 1985 tại tỉnh Đắk Lắk; nơi cư trú: Thôn 2, xã K, huyện M, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Nội trợ; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Tiến T, con bà Hoàng Thị P, bị cáo có chồng là Nguyễn Văn G (đã ly hôn) và có 01 con sinh năm 2010; tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Ngày 19/11/2015, bị Toà án nhân dân huyện B, tỉnh Đắk Lắk xử phạt 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 năm về tội “Đánh bạc” theo Bản án số 47/2015/HSST. Ngày 19/11/2016, chấp hành xong toàn bộ bản án (đã được xóa án tích).

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 29/10/2018 đến ngày 30/11/2018 được tại ngoại. Có mặt

7. Bị cáo: Đinh Văn T1, sinh năm 1976 tại tỉnh Hải Dương; nơi cư trú: Thôn 2, xã P, huyện M, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Đinh Hữu O, con bà Đào Thị D, bị cáo có vợ là Nguyễn Thị T và có 02 con lớn nhất sinh năm 2002, nhỏ nhất sinh năm 2005; tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Ngày 08/6/2012, bị Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Yên tuyên phạt 01 năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 02 năm về tội “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ” (đã được xóa án tích).

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 29/10/2018 đến ngày 30/10/2018) được tại ngoại. Có mặt

8. Bị cáo: Hồ Đức T2, sinh năm 1971 tại tỉnh Hà Tĩnh; nơi cư trú: Thôn 20, xã E, huyện M, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Hồ Đức H (đã chết), con bà Bá Thị D (đã chết); bị cáo có vợ là Đào Thị T 01 người con sinh năm 2000; tiền sự: Không;

Tiền án: Ngày 14/6/2017, bị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm tuyên phạt 05 tháng tù về tội “Đánh bạc”; ngày 17/12/2017 chấp hành xong hình phạt nhưng chưa được xóa án tích.

Nhân thân: Ngày 26/10/2009, bị Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm tuyên phạt 02 năm 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 năm về tội “Cố ý gây thương tích” (Đã chấp hành xong bản án và được xóa án tích).

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 30/10/2018 đến ngày 27/01/2019 được tại ngoại. Có mặt

9. Bị cáo: Đoàn Văn Q, sinh năm 1984 tại tỉnh Hưng Yên; nơi cư trú: xã Ea Đách, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Đoàn Văn C, con bà Đoàn Thị K (tên gọi khác: Quyên), bị cáo có vợ là Ngô Thị Thuỳ T (đã ly hôn) và chưa có con; tiền sự: Không;

Tiền án: Ngày 15/7/2016, bị Tòa án nhân dân huyện E, tỉnh Đắk Lắk xử phạt 03 năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo Bản án số 31/2016/HSST. Ngày 04/8/2018, chấp hành xong hình phạt tù (chưa được xóa án tích).

Nhân thân: Ngày 14/5/2008, bị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm tuyên phạt 01 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo Bản án số 82/2008/HSPT. Ngày 28/9/2008, chấp hành xong bản án (đã được xóa án tích).

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 29/10/2018 đến ngày 27/3/2019 được tại ngoại. Có mặt.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Bà Lê Thị Tuyết N, sinh năm 1991; địa chỉ: tỉnh Bình Phước;
2. Bà Lê Thị P, sinh năm 1986; địa chỉ: Thôn 2, xã T, huyện M, tỉnh Đắk Lắk;
3. Bà Nguyễn Thị D; địa chỉ: Thôn 2, xã T, huyện M, tỉnh Đắk Lắk;
4. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1979; địa chỉ: huyện M, tỉnh Đắk Lắk;
5. Bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1992; địa chỉ: Tổ dân phố 9, thị trấn M, huyện M, tỉnh Đắk Lắk;
6. Ông Trương Minh S, sinh năm 1982; địa chỉ: Tổ dân phố 3, thị trấn M, huyện M, tỉnh Đắk Lắk;
7. Bà Đào Thị T1, sinh năm 1971; địa chỉ: Thôn 20, xã E, huyện M, tỉnh Đắk Lắk;
8. Ông Đặng Ngọc P, sinh năm 1985; địa chỉ: Tổ dân phố 9, thị trấn M, huyện M, tỉnh Đắk Lắk;

Đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đặng Hữu N1 thường xuyên đến quán cà phê N do vợ chồng Đặng Thành N quản lý chơi nên quen biết N. Khi đến quán, thỉnh thoảng N1 thấy một số khách đến quán đánh bài phỏm với số tiền nhỏ nên N1 đã bàn với N về việc tổ chức cho một số đối tượng đến đánh xóc đĩa được thua thắng bằng tiền thì N đồng ý sử dụng căn phòng trên tầng hai của quán để làm nơi tổ chức đánh bạc và hoạt động 02 ca mỗi ngày, buổi chiều từ khoảng 14 giờ đến 17 giờ, buổi tối từ khoảng 21 giờ đến 23 giờ 30. Sau đó, N1 rủ Lê Hoàng T2 cùng tổ chức đánh bạc thì T2 đồng ý. Đến trưa ngày 26/10/2018, T2 gặp N1 tại quán N và cả hai trao đổi, thống nhất sẽ cùng tổ chức đánh bạc để thu tiền xâu, mỗi ca sẽ đưa cho N 3.000.000 đồng, nếu có dư cả hai sẽ ăn chia sau. T2 phụ trách việc gọi con bạc đến tham gia, còn N1 bung bê thuốc, nước phục vụ con bạc, giữ trật tự trong tụ điểm đánh bạc và chuẩn bị chén, đĩa.

Đến tối ngày 26/10/2018, sòng bạc bắt đầu hoạt động và T2 nói với N1 sẽ thu tiền xâu với hình thức dựa trên kết quả xóc đĩa nếu vào buổi chiều trong ván nào xuất hiện 03 mặt trắng và buổi tối 03 mặt đen sẽ thu 5% trên tổng số tiền thắng cược. Ngoài ra, để thuận lợi trong việc tổ chức đánh bạc N1 và T2 bố trí Nguyễn Văn C và Trương Quốc C1 trông giữ xe cho các con bạc và tiền công mỗi ca là

300.000 đồng (C chưa được nhận, còn C1 đã được nhận 300.000 đồng); Trương Văn T bung bê nước phục vụ con bạc, thu tiền xâu, còn tiền công sẽ tính toán sau (T chưa được nhận tiền); Trương Văn L làm nhiệm vụ canh gác, cảnh giới và thông báo cho các con bạc nghỉ khi bị Công an phát hiện, tiền công mỗi ca 300.000 đồng và L đã nhận được 500.000 đồng vào ngày 28/10/2018; Trương Minh H làm nhiệm vụ thanh toán tiền thắng thua cho các con bạc, tiền công sẽ tính toán sau (Hảo chưa được nhận).

Tối ngày 29/10/2018, Lê Hoàng T2, Đặng Hữu N1, Trương Minh H, Trương Quốc C1, Nguyễn Văn C, Trương Văn T và Trương Văn L tổ chức cho Nguyễn Xuân T3, Đặng Quốc C2, Đoàn Văn Q, Phạm Đức T4, Nguyễn Văn T5, Nguyễn Văn C3, Đào Văn T6, Nguyễn Hữu T7, Nguyễn Thị Thanh B, Lê Văn D, Đinh Văn T1, Nguyễn Thị L, Hồ Đức T2, Lê Văn M, Lê Ngọc P1 tham gia đánh bạc dưới hình thức xóc đĩa (chẵn - lẻ) và senko được thua bằng tiền tại quán cà phê N thuộc tổ dân phố 9, thị trấn M, huyện M, tỉnh Đắk Lắk do Đặng Thành N làm chủ (thời điểm này N đang là đội phó Đội an ninh Công an huyện M). Hình thức đánh bạc xóc đĩa được phân chia thành 02 bên chẵn và lẻ. Vật dụng sử dụng để đánh xóc đĩa gồm chén, đĩa, 04 con vị được cắt từ lá bài Tây và quy định mặt lưng của lá bài là mặt đen, mặt còn lại là mặt trắng. Bốn con vị bỏ vào trong 01 cái đĩa được đẩy bằng 01 cái chén để xác định kết quả là chẵn hay lẻ. Kết quả chẵn khi 04 con vị xuất hiện các trường hợp: 04 mặt trắng, 04 mặt đen, 02 mặt trắng, 02 mặt đen; kết quả lẻ khi 04 con vị xuất hiện các trường hợp: 01 mặt trắng, 03 mặt đen hoặc 01 mặt đen, 03 mặt trắng. Người xóc cái cầm chén đĩa lắc lên xuống nhiều lần liên tục để xáo trộn các con vị và thông báo cho người chơi đặt cược, người chơi có quyền lựa chọn bên chẵn hay lẻ tùy ý và đặt tiền cược. Sau đó, người xóc cái mở chén, nếu có kết quả bên chẵn thắng thì lấy tiền bên lẻ thanh toán cho bên chẵn và ngược lại, tỷ lệ thắng thua là 1-1, trong trường hợp nếu người xóc cái nói lẻ thừa hoặc chẵn thừa, nếu ai muốn thì nhận mở chén và chịu trách nhiệm thắng thua với số tiền thừa. Hình thức đánh senko được sử dụng 04 con bài Tây gồm 01 lá ba rô, 01 lá bốn rô, 01 lá ba chuồn, 01 lá bốn chuồn; nước rô được quy ước là mặt trắng, nước chuồn là mặt đen. Căn cứ kết quả xóc đĩa, nếu người chơi đặt cược 03 mặt trắng hoặc 03 mặt đen sẽ thắng được số tiền gấp 2,5 lần tiền gốc; 04 mặt trắng, 04 mặt đen người thắng cược sẽ nhận được số tiền gấp 09 lần tiền gốc; nếu thua chỉ mất số tiền đặt cược ban đầu. Người chơi có quyền lựa chọn một trong hai hình thức xóc đĩa hoặc senko để đặt cược, hoặc có thể tham gia hai hình thức cùng một lúc.

Đến khoảng 22 giờ cùng ngày, trong lúc các bị cáo đang tổ chức đánh bạc và đánh bạc thì bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đắk Lắk bắt quả tang. Thu giữ trên chiếu bạc 63.500.000 đồng, thu trên người các bị cáo số tiền dùng đánh bạc là 31.900.000đ, cùng một số công cụ, phương tiện phục vụ đánh bạc. Trong quá trình tổ chức đánh bạc thì sau khi thu tiền xâu ngày 26/10/2018, Nguyễn Văn C đã đưa cho N 1.600.000 đồng; ngày 27/10/2018 C tiếp tục đưa cho N 1.800.000

đồng (cả 02 lần này thì T là người đưa tiền cho C để C đưa cho N); ngày 28/10/2018, Trương Văn T đưa cho N 3.000.000 đồng. Tổng cộng N đã nhận tiền xâu 03 lần là 6.400.000 đồng.

Trong quá trình đánh bạc, các bị cáo đã dùng số tiền để đánh bạc như sau: Nguyễn Xuân T3 sử dụng 20.000.000 đồng; Lê Văn D 400.000 đồng; Đinh Văn T1 khai nhận tối 29/10/2018 mang theo 9.200.000 đồng; Đoàn Văn Q 8.000.000 đồng; Đào Văn T6 2.000.000; Nguyễn Thị Thanh B 8.000.000 đồng. B khai nhận ngoài lần phạm tội nêu trên thì còn tham gia 03 lần đánh bạc khác, lần thứ nhất vào chiều 28/10/2018; lần thứ hai vào tối 28/10/2018; lần thứ ba vào chiều 29/10/2018, Cả 03 lần này thì B không nhớ đã mang bao nhiêu tiền để đánh bạc và cũng không rõ tổng số tiền mà những người tham gia đánh bạc ở 03 lần này; Hồ Đức T2 100.000 đồng; Nguyễn Thị L 500.000 đồng. Ngoài ra, L còn khai nhận vào chiều 29/10/2018 có mang theo 2.000.000 đồng vào sòng bạc đánh và bị thua 700.000 đồng; Nguyễn Hữu T7 1.200.000 đồng; Phạm Đức T4 1.600.000 đồng; Nguyễn Văn T5 3.000.000 đồng; Lê Văn M 2.000.000 đồng. M khai có tham gia đánh bạc 02 lần nhưng không nhớ chính xác vào ngày nào, mỗi lần đánh khoảng 100.000 đồng bị thua hết và M không biết những người đánh bạc trước đó là ai và tổng số tiền trên chiếu bạc trong từng lần là bao nhiêu; Đặng Quốc C2 2.500.000; Nguyễn Văn C3 1.000.000 đồng; Lê Ngọc P1 400.000 đồng.

Như vậy, tổng số tiền dùng vào việc đánh bạc là 95.400.000 đồng. Trong đó thu giữ trên chiếu bạc 63.500.000 đồng và thu giữ trên người các bị cáo sử dụng vào mục đích đánh bạc là 31.900.000 đồng.

*** Về vật chứng:** Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đắk Lắk đã thu giữ như sau:

- Thu giữ tại chiếu bạc 63.500.000 đồng;
- Thu giữ của Đinh Văn T1 9.200.000 đồng; Nguyễn Văn C3 11.000.000 đồng; Đoàn Văn Q 8.000.000 đồng; Nguyễn Thị Thanh B 8.000.000 đồng; Đặng Quốc C2 11.500.000 đồng; Nguyễn Thị L 508.000 đồng; Đào Văn T6 200.000 đồng và Lê Văn D 200.000 đồng;
- Thu giữ tại sòng bạc 01 đĩa sứ màu trắng; 01 chén sứ màu trắng; 04 con vị được cắt ra từ lá bài Tây; 04 lá bài Tây (01 lá ba chuồn, 01 lá ba rô, 01 lá bốn chuồn và 01 lá bốn rô).
- Thu giữ 08 xe mô tô gồm: xe mô tô biển số 47G1-025.46 của Đặng Hữu N1; xe mô tô biển số 47G1-145.84 của Nguyễn Xuân T3; xe mô tô biển số 47G1-206.95 của Nguyễn Thị Thanh B; xe mô tô biển số 47G1-124.91 và 01 Giấy chứng nhận xe mô tô 47G1-124.91 của Lê Văn M; xe mô tô biển số 47G1 - 058.78 của Đào Thị T1, sinh năm 1971, nơi cư trú Thôn 20, xã E, huyện M, tỉnh Đắk Lắk; xe mô tô biển số 93K1-130.86 của Lê Thị Tuyết N, sinh năm 1991, nơi

cư trú tỉnh Bình Phước; xe mô tô biển số 47G1-192.26 của Lê Thị P, sinh năm 1986, nơi cư trú Thôn 2, xã C, huyện M, tỉnh Đắk Lắk; xe mô tô biển số 47G1-110.55 của Trương Minh S, sinh năm 1982, nơi cư trú Tổ dân phố 3, thị trấn M, huyện M, tỉnh Đắk Lắk.

- Kê biên căn phòng của vợ chồng Đặng Thành N sử dụng vào việc tổ chức đánh bạc có giá trị 5.388.000 đồng;

- Bị cáo Trương Văn L tự nguyện giao nộp 500.000 đồng và Trương Quốc C1 giao nộp 300.000 đồng tiền thu lợi bất chính; Đặng Thành N đã tự nguyện nộp số tiền 6.400.000 đồng do thu lợi bất chính từ hành vi tổ chức đánh bạc.

***Tại bản án hình sự sơ thẩm số 37/2019/HSST ngày 22/7/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:**

[1] Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Đặng Hữu N1, Đặng Thành N, Trương Văn T, Trương Minh H, Trương Quốc C1, Nguyễn Văn C, Trương Văn L phạm tội **“Tổ chức đánh bạc”**.

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Xuân T3, Đinh Văn T1, Lê Văn D, Đoàn Văn Q, Đào Văn T6, Nguyễn Thị Thanh B, Hồ Đức T2, Nguyễn Thị L, Nguyễn Hữu Thủy, Phạm Đức T4, Nguyễn Văn T5, Lê Văn M, Lê Ngọc P1, Đặng Quốc C2 và Nguyễn Văn C3 phạm tội **“Đánh bạc”**.

[2] Về điều luật áp dụng và hình phạt:

- Áp dụng điểm a, c, d khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015: Xử phạt bị cáo **Đặng Hữu N1** 03 (ba) năm tù, bị cáo được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 21/11/2018 đến ngày 28/11/2018. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt thi hành án.

- Áp dụng điểm a, b, c khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015: Xử phạt bị cáo **Đặng Thành N** 03 (ba) năm tù, bị cáo được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 29/11/2018 đến ngày 26/02/2019. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt thi hành án.

- Áp dụng điểm a, c khoản 1 Điều 322; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo **Trương Văn T** 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù.

Áp dụng Điều 56 và khoản 5 Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 để tổng hợp hình phạt 06 tháng tù về tội “Đánh bạc” theo Bản án số 13/2018/HS-ST ngày 26/6/2018 của Tòa án nhân dân huyện M, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của cả 02 bản án là 03 (ba) năm tù, được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 21/11/2018 đến ngày 19/4/2019. Thời hạn tù tính từ ngày tính từ ngày bị cáo bị bắt thi hành án.

- Áp dụng điểm a, c khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015: Xử phạt bị cáo **Trương Minh H 02** (Hai) năm tù, được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 29/10/2018 đến ngày 14/12/2018, thời hạn tù tính từ ngày tính từ ngày bị cáo bị bắt thi hành án.

- *Áp dụng điểm a, c khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015: Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn C 01 (Một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tính từ ngày bị cáo bị bắt thi hành án.*

- *Áp dụng điểm a, c khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, khoản 2 khoản 5 Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015: Xử phạt bị cáo Trương Văn L 02 (Hai) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 04 năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.*

- *Áp dụng điểm a, c khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, khoản 2 khoản 5 Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015: Xử phạt bị cáo Trương Quốc C1 01 (Một) 06 (Sáu) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 03 năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.*

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015: Xử phạt bị cáo **Đoàn Văn Q 03** (Ba) năm 06 (Sáu) tháng tù, được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 29/10/2018 đến ngày 27/3/2019. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt thi hành án.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015: Xử phạt bị cáo **Hồ Đức T2 03** (Ba) năm 06 (Sáu) tháng tù, được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 30/10/2018 đến ngày 27/01/2019. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt thi hành án.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015: Xử phạt bị cáo **Đinh Văn T1 02** (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù, được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 29/10/2018 đến ngày 14/12/2018. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt thi hành án.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015: Xử phạt bị cáo **Nguyễn Thị Thanh B 02** (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù, được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 29/10/2018 đến ngày 30/11/2018. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt thi hành án.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, khoản 2 khoản 5 Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015: Xử phạt bị cáo **Nguyễn Xuân T3 03** (Ba) năm tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 05 năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; khoản 1, khoản 2, khoản 5 Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015:

+ Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn T5** 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 05 năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

+ Xử phạt bị cáo **Đặng Quốc C2** 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 05 năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

+ Xử phạt bị cáo **Đào Văn T6** 02 (Hai) năm tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 04 năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

+ Xử phạt bị cáo **Lê Văn M** 02 (Hai) năm tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 04 năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

+ Xử phạt bị cáo **Phạm Đức T4** 01 (Một) năm 09 (chín) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 03 năm 06 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

+ Xử phạt bị cáo **Nguyễn Hữu T7** 01 (Một) năm 09 (chín) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 03 năm 06 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

+ Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn C3** 01 (Một) năm 09 (chín) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 03 năm 06 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

+ Xử phạt bị cáo **Lê Văn D** 01 (Một) năm 09 (chín) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 03 năm 06 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

+ Xử phạt bị cáo **Nguyễn Thị L** 01 (Một) năm 09 (chín) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 03 năm 06 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

+ Xử phạt bị cáo **Lê Ngọc P1** 01 (Một) năm 09 (chín) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 03 năm 06 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

* Giao các bị cáo Trương Quốc C1, Lê Văn M, Nguyễn Hữu Thuỷ cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện M, tỉnh Đắk Lắk; giao các bị cáo Lê Văn D, Nguyễn Văn C3, Đặng Quốc C2 cho Ủy ban nhân dân xã P, huyện M, tỉnh Đắk Lắk; giao bị cáo Lê Ngọc P1 cho Ủy ban nhân dân thị trấn M, huyện M, tỉnh Đắk Lắk; giao bị cáo Nguyễn Xuân T3 cho Ủy ban nhân dân xã K, huyện M, tỉnh Đắk Lắk; giao bị cáo Trương Văn L, Nguyễn Thị L cho Ủy ban nhân dân xã K, huyện M, tỉnh Đắk Lắk; giao bị cáo Nguyễn Văn T5 cho Ủy ban nhân dân xã E, huyện M, tỉnh Đắk Lắk; giao bị cáo Đào Văn T6 cho Ủy ban nhân dân xã H, huyện E, tỉnh Đắk Lắk; giao bị cáo Phạm Đức T4 cho Ủy ban nhân dân xã N, huyện T, tỉnh Hải Dương nơi các bị cáo cư trú để giám sát và giáo dục; gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục các bị cáo.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Ngoài ra Bản án còn tuyên quyết định về hình phạt bổ sung, về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 29/7/2019, bị cáo Đinh Văn T1 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo;

Ngày 30/7/2019 bị cáo Nguyễn Thị Thanh B kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo;

Ngày 31/7/2019, bị cáo Nguyễn Văn C kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, xin hưởng án treo;

Ngày 01/8/2019 bị cáo Đặng Thành N kháng cáo xin hưởng án treo; bị cáo Trương Văn T và Hồ Đức T2 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt;

Ngày 02/8/2019, bị cáo Đặng Hữu N1 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo;

Ngày 05/8/2019, bị cáo Đoàn Văn Q kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt;

Ngày 06/8/2019, bị cáo Trương Minh H kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo.

Tại phiên tòa:

- Các bị cáo Đặng Thành N, Trương Văn T, Đặng Hữu N1 và Trương Minh H rút kháng cáo. Các bị cáo Đinh Văn T1, Nguyễn Thị Thanh B, Nguyễn Văn C, Hồ Đức T2, Đặng Văn Q giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

- Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với các bị cáo Đặng Thành N, Trương Văn T, Đặng Hữu N1 và Trương Minh H do rút kháng cáo. Bác kháng cáo của các bị cáo Đinh Văn T1, Nguyễn Thị Thanh B, Nguyễn Văn C, Hồ Đức T2, Đặng Văn Q; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận; Hội đồng xét xử thấy đủ căn cứ kết luận: Vào tối ngày 29/10/2018 (tại quán cà phê N, thuộc tổ dân phố 9, thị trấn M, huyện M, tỉnh Đắk Lắk, do Đặng Thành N làm chủ), Lê Hoàng T2, Đặng Hữu N1, Trương Minh H, Trương Quốc C1, Nguyễn Văn C, Trương Văn T và Trương Văn L đã tổ chức cho các đối tượng: Nguyễn Xuân T3, Đặng Quốc C2, Đoàn Văn Q, Phạm Đức T4, Nguyễn Văn T5, Nguyễn Văn C3, Đào Văn T6, Nguyễn Hữu T7, Nguyễn Thị

Thanh B, Lê Văn D, Đinh Văn T1, Nguyễn Thị L, Hồ Đức T2, Lê Văn M và Lê Ngọc P1 đánh bạc dưới hình thức xóc đĩa (chẵn-lẻ) được thua bằng tiền. Đến khoản 22h cùng ngày thì bị Cơ quan cảnh sát điều tra công an tỉnh Đắk Lắk bắt quả tang thu giữ tại chiếu bạc 63.500.000 đồng; thu giữ trên người các đối tượng số tiền dùng để đánh bạc là 31.900.000 đồng.

Với hành vi, tính chất, mức độ phạm tội nêu trên, bản án hình sự sơ thẩm số 37/2019/HSST ngày 22/7/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã tuyên bố các bị cáo: Đặng Thành N, Đặng Hữu N1, Trương Minh H, Trương Quốc C1, Nguyễn Văn C, Trương Văn T và Trương Văn L phạm tội “Tổ chức đánh bạc”; Các bị cáo Nguyễn Xuân T3, Đặng Quốc C2, Đoàn Văn Q, Phạm Đức T4, Nguyễn Văn T5, Nguyễn Văn C3, Đào Văn T6, Nguyễn Hữu T7, Nguyễn Thị Thanh B, Lê Văn D, Đinh Văn T1, Nguyễn Thị L, Hồ Đức T2, Lê Văn M và Lê Ngọc P1 phạm tội “Đánh bạc” là có căn cứ, đúng pháp luật.

[1]. Xét kháng cáo của các bị cáo, nhận thấy:

[1.1]. Đối với các bị cáo phạm tội “Tổ chức đánh bạc”:

- Tại phiên tòa các bị cáo Đặng Thành N, Trương Văn T, Đặng Hữu N1 và Trương Minh H rút kháng cáo. Căn cứ Điều 342 Bộ luật tố tụng hình sự, đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với các bị cáo này.

- Xét kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn C: Trong vụ án này bị cáo C được bị cáo Đặng Hữu N1 thuê với nhiệm vụ giữ xe và canh giới, với tiền công là 300.000 đồng như các bị cáo Trương Quốc C1, Trương Văn L, nhưng chưa nhận được tiền công (các bị cáo C1, L đã nhận tiền công). Bị cáo C về nhân thân chưa có tiền án, tiền sự; vai trò đồng phạm giúp sức thứ yếu; sau khi bị bắt đã thật thà khai báo, ăn năn hối cải. Vai trò và nhân thân của bị cáo C cũng như các bị cáo Trương Quốc C1, Trương Văn L; Án sơ thẩm xử phạt bị cáo L 02 năm tù, bị cáo C1 1 năm 6 tháng tù, cho hưởng án treo là phù hợp, đúng pháp luật, nhưng xử phạt bị cáo C 1 năm 6 tháng tù giam là không công bằng với 02 bị cáo L, C1. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo C.

[1.2]. Đối với các bị cáo phạm tội “Đánh bạc”, xét thấy:

Các bị cáo Đoàn Văn Q, Hồ Đức T2, Đinh Văn T1 và Nguyễn Thị Thanh B bị truy tố, xét xử theo khoản 2 Điều 321 Bộ luật hình sự năm 2015 có khung hình phạt tù từ 03 năm đến 07 năm. Án sơ thẩm xác định bị cáo Q sử dụng 5.000.000 đồng, bị cáo T2 sử dụng 100.000 đồng để đánh bạc, nhưng cả 02 bị cáo đều đã bị 02 lần kết án, chưa được xóa án tích mà tiếp tục phạm tội mới, nên lần phạm tội này là thuộc trường hợp “tái phạm”. Các bị cáo T1, B sử dụng số tiền đánh bạc nhiều hơn các bị cáo khác trong vụ án (Bị cáo T1 9.000.000 đồng, bị cáo B 7.500.000 đồng). Cả 2 bị cáo T1, B về nhân thân đều đã bị một lần bị kết án. Do đó, án sơ thẩm xử phạt bị cáo Q 03 năm 06 tháng tù; bị cáo T2 03 năm 06 tháng tù; bị cáo T1 02 năm 06 tháng tù và bị cáo B 02 năm 06 tháng tù là không nặng. Các bị

cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, xin hưởng án treo nhưng không có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đặc biệt gì mới, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo.

[2]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về hình phạt tù đối với các bị cáo khác; về hình phạt bổ sung; về xử lý vật chứng; về án phí sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử không xét và đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[3]. Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo của các bị cáo Đoàn Văn Q, Hồ Đức T2, Đinh Văn T1 và Nguyễn Thị Thanh B không được chấp nhận nên các bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Từ nhận định trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 342 Bộ luật tố tụng hình sự; Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với các bị cáo Đặng Thành N, Trương Văn T, Đặng Hữu N1 và Trương Minh H.

1. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 Bộ luật tố tụng hình sự: Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Đoàn Văn Q, Hồ Đức T2, Đinh Văn T1 và Nguyễn Thị Thanh B; giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 37/2019/HSST ngày 22/7/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015: Xử phạt bị cáo **Đoàn Văn Q** 03 (Ba) năm 06 (Sáu) tháng tù, được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 29/10/2018 đến ngày 27/3/2019. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt thi hành án.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015: Xử phạt bị cáo **Hồ Đức T2** 03 (Ba) năm 06 (Sáu) tháng tù, được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 30/10/2018 đến ngày 27/01/2019. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt thi hành án.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015: Xử phạt bị cáo **Đinh Văn T1** 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù, được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 29/10/2018 đến ngày 14/12/2018. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt thi hành án.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015: Xử phạt bị cáo **Nguyễn Thị Thanh B** 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù, được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 29/10/2018 đến ngày 30/11/2018. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt thi hành án.

2. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự: Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn C; sửa án sơ thẩm.

- Áp dụng điểm a, c khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, khoản 2, khoản 5 Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015: Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn C** 01 (Một) năm 06 (sáu) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo; Thời gian thử thách là 03 năm tính từ ngày tuyên án phúc thẩm (ngày 29/10/2019). Giao bị cáo Nguyễn Văn C cho Ủy ban nhân dân xã L, huyện M, tỉnh Đắk Lắk nơi bị cáo cư trú để giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách; gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục các bị cáo.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về hình phạt tù đối với các bị cáo khác; về hình phạt bổ sung bổ sung; về xử lý vật chứng; về án phí sơ thẩm tại Bản án hình sự sơ thẩm số 37/2019/HSST ngày 22/7/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Về án phí phúc thẩm:

- Bị cáo Nguyễn Văn C không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm;
- Các bị cáo Đoàn Văn Q, Hồ Đức T2, Đinh Văn T1 và Nguyễn Thị Thanh B, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ Giám đốc kiểm tra I, TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Phòng HSNV - Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Cơ quan CSTHAHS - Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- Cục THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Trại tạm giam CA tỉnh Đắk Lắk;
- Ủy ban nhân dân xã L
- Bị cáo; Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu HSVA, LT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Văn Tào